ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11 /2023/QĐ-UBND	*Long An, ngày 28 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 1088/QĐ-BNN-KTHT ngày 25/03/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 25/7/2019 về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1132/TTr-SNN ngày 17/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An như sau:

1. Sửa đổi phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 như sau:

"**1. Phạm vi điều chỉnh**

Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An áp dụng đối với các sản phẩm trong Danh mục các ngành hàng, sản phẩm nông nghiệp quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm tỉnh Long An đã được UBND tỉnh phê duyệt gồm: Cây lúa, cây thanh long, cây rau, cây chanh, cây mít, cây xoài, cây sầu riêng, cây mai, con gia cầm, con bò thịt, con cá tra và con tôm (tôm sú, tôm thẻ chân trắng).”

2. Bổ sung vào gạch đầu dòng đầu tiên của điểm đ khoản 3 Điều 1 như sau:

“+ Cây mít: Hỗ trợ 01 lần chi phí mua giống không quá 15 triệu đồng/ha; hỗ trợ chi phí mua vật tư trong 03 năm, mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/ha/năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 2.100 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch.

+ Cây xoài: Hỗ trợ 01 lần chi phí mua giống không quá 10 triệu đồng/ha; hỗ trợ chi phí mua vật tư trong 03 năm, mức hỗ trợ không quá 24 triệu đồng/ha/năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 1.600 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch.

+ Cây sầu riêng: Hỗ trợ 01 lần chi phí mua giống không quá 9 triệu đồng/ha; hỗ trợ chi phí mua vật tư trong 05 năm, mức hỗ trợ không quá 24 triệu đồng/ha/năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 2.600 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch.

+ Cây mai: Hỗ trợ 01 lần chi phí mua giống không quá 07 triệu đồng/ha; Hỗ trợ chi phí mua vật tư trong 03 năm, mức hỗ trợ không quá 26 triệu đồng/ha/năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 1.700 triệu đồng đối với dự án hoặc kế hoạch”.

3. Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 1 như sau:

“a) Điều kiện để được hỗ trợ: Các bên tham gia liên kết để được hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 11 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Theo khoản 1, Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.”

4. Sửa đổi khoản 5 Điều 1 như sau:

“5. Thời gian thực hiện: Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An thực hiện trong giai đoạn 2020-2025.”

5. Sửa đổi khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28/4/2020 đến hết ngày 31/12/2025. Nội dung của Quyết định được thực hiện kể từ ngày 01/8/2019.”

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 /3 /2023 và các nội dung của Quyết định này được thực hiện kể từ ngày 01/01/2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Vụ pháp chế - Bộ NN và PTNT;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Cục KTVB QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- TT. UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- TT PVHCC (Cổng thông tin điện tử tỉnh);
- CVP, PCVP.UBND tỉnh$_{KT}$;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Luan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Lâm